

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 35

\*\*\*\*\*



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

### Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101334129, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 8 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên công ty, ngành nghề kinh doanh và vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc thay đổi thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 736 69 84
- Fax : 0243 568 22 40

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Đặng Đức Khôi	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Phan Sỹ Kiên	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2020
Ông Nguyễn Xuân Hiền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 10 năm 2020

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Quân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Ông Phạm Nhật Quang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019
Bà Phan Thị Phương Dung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2019

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phan Sỹ Kiên	Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 01 năm 2013
Ông Lê Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 22 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 17 tháng 3 năm 2021

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Sỹ Kiên – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2013).

Ông Phan Sỹ Kiên đã ủy quyền cho Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng – Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 70/2021/TST-UQ ngày 13 tháng 4 năm 2021.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn các tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Phó Tổng Giám đốc



Lâm Vũ Hoàng Tùng

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

Head Office : 02 Trung Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam  
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam  
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0511/21/TC-AC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2021, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

- Chi nhánh của Công ty mẹ tại thành phố Hồ Chí Minh (“Chi nhánh”) đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013, tuy nhiên, số liệu liên quan đến tài sản, nợ phải trả của Chi nhánh đang được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty ở chi tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (mã số 136) và chi tiêu “Phải trả ngắn hạn khác” (mã số 319) với số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 lần lượt là 15.718.969.721 VND và 11.441.247.386 VND (không thay đổi so với số đầu năm). Công ty chưa thực hiện rà soát, đối chiếu các số liệu có liên quan của Chi nhánh để xác định và ghi nhận phù hợp giá trị tài sản, nợ phải thu có thể thu hồi và nghĩa vụ nợ phải trả, cũng như đánh giá và ghi nhận các khoản tổn thất tài sản (nếu có). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Nhóm Công ty.
- Công ty mẹ chưa ghi nhận đủ số thuế GTGT phải nộp tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 01 tháng 01 năm 2021 với số tiền lần lượt là 1.396.227.742 VND và 2.517.002.080 VND, do Công ty mẹ chưa thực hiện xuất hóa đơn và kê khai thuế GTGT đầy đủ đối với một số khoản doanh thu đã hạch toán.

### **Kết luận ngoại trừ**

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc**

*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-001*

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>219.557.345.737</b>	<b>230.554.318.464</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.054.121.953</b>	<b>4.099.708.444</b>
1. Tiền	111		4.054.121.953	4.099.708.444
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>138.382.944.160</b>	<b>153.744.090.643</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	76.328.144.138	95.664.653.861
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.637.641.981	2.293.116.598
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	61.258.550.198	61.627.712.341
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.977.559.958)	(5.977.559.958)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	136.167.801	136.167.801
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>76.274.424.434</b>	<b>72.040.094.441</b>
1. Hàng tồn kho	141		78.539.578.572	74.305.248.579
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.265.154.138)	(2.265.154.138)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>845.855.190</b>	<b>670.424.936</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	15.372.433
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		440.539.414	249.736.727
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	405.315.776	405.315.776
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>49.318.874.451</b>	<b>50.962.971.035</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>65.375.000</b>	<b>71.995.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	65.375.000	71.995.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.727.215.702</b>	<b>30.518.727.296</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	9.732.227.884	10.519.239.478
<i>Nguyên giá</i>	222		51.964.561.168	51.964.561.168
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(42.232.333.284)	(41.445.321.690)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	19.994.987.818	19.999.487.818
<i>Nguyên giá</i>	228		20.199.237.818	20.199.237.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(204.250.000)	(199.750.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>1.054.313.636</b>	<b>1.054.313.636</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.054.313.636	1.054.313.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>17.653.454.069</b>	<b>18.403.774.436</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	17.652.874.359	18.403.194.726
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	4.930.579.710	4.930.579.710
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.930.000.000)	(4.930.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>818.516.044</b>	<b>914.160.667</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	818.516.044	914.160.667
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>268.876.220.188</b>	<b>281.517.289.499</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>165.321.363.082</b>	<b>174.942.026.813</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>165.080.017.874</b>	<b>174.261.045.651</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	55.063.502.187	75.895.031.929
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.786.122.308	1.971.901.741
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.828.048.209	4.240.782.436
4. Phải trả người lao động	314		890.447.940	1.199.260.471
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	13.320.138.612	15.043.327.088
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	36.878.029.745	37.552.001.994
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	52.313.728.873	38.358.739.992
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>241.345.208</b>	<b>680.981.162</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	120.000.000	120.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	121.345.208	560.981.162
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

49  
CHI  
CỔ  
HÀ  
TỔ  
TÀI

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>103.554.857.106</b>	<b>106.575.262.686</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>103.554.857.106</b>	<b>106.575.262.686</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.663.796.276	32.663.796.276
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.591.818.768	1.591.818.768
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		100.242.705	100.242.705
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.519.976.103	6.167.800.268
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.167.800.268	6.167.800.268
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.647.824.165)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17.679.023.254	18.051.604.669
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>268.876.220.188</b>	<b>281.517.289.499</b>

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Phó Tổng Giám đốc



Lâm Vũ Hoàng Tùng

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	34.823.121.857	38.380.718.682
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		34.823.121.857	38.380.718.682
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.338.828.116	30.468.919.507
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.484.293.741	7.911.799.175
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		923.742	4.515.760
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	1.149.271.590	2.080.013.101
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.140.351.209	2.069.319.754
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		72.654.051	(131.861.380)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.4	69.197.453	692.361.288
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.990.089.714	6.235.894.212
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.650.687.223)	(1.223.815.046)
12. Thu nhập khác	31		-	363.636
13. Chi phí khác	32	VI.6	369.718.357	1.015.808.454
14. Lợi nhuận khác	40		(369.718.357)	(1.015.444.818)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.020.405.580)	(2.239.259.864)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	4.416.278
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(3.020.405.580)</u>	<u>(2.243.676.142)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>(2.647.824.165)</u>	<u>(2.025.761.311)</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>(372.581.415)</u>	<u>(217.914.831)</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>(552)</u>	<u>(422)</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	<u>(552)</u>	<u>(422)</u>

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Phó Tổng Giám đốc



Lâm Vũ Hoàng Tùng

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.020.405.580)	(2.239.259.864)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10,11	791.511.594	728.333.010
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	86.342	(2.543.974)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(822.974.418)	131.861.380
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	1.140.351.209	2.069.319.754
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.911.430.853)	687.710.306
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.927.284.163	21.961.125.511
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.234.329.993)	(4.510.861.290)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(23.029.501.439)	(21.389.093.682)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		111.017.056	210.764.516
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.154.205.784)	(2.387.982.142)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(92.287.349)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(14.383.454.199)</b>	<b>(5.428.336.781)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		822.974.418	712.018.751
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>822.974.418</b>	<b>712.018.751</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	46.690.806.291		42.168.071.493
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(33.175.453.364)		(42.424.556.026)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(373.295)		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>13.514.979.632</i>		<i>(256.484.533)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(45.500.149)</i>		<i>(4.972.802.563)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>4.099.708.444</i>		<i>6.890.805.437</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>VI.3</i>	<i>(86.342)</i>		<i>2.543.974</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>4.054.121.953</i>		<i>1.920.546.848</i>

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2021

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Phó Tổng Giám đốc



Lâm Vũ Hoàng Tùng

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và lắp đặt.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc Nhóm Công ty**

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

##### **5a. Công ty con được hợp nhất**

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam (tên gọi cũ “Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam) có trụ sở chính tại 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty con là 50,54% (số đầu năm là 50,54%).

##### **5b. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Nhóm Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina – OFC có trụ sở chính tại Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất thiết bị điện và dịch vụ đo kiểm cáp quang.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của nhóm Công ty tại Công ty liên kết này là 25% (số đầu năm là 25%).

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 116 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm Công ty (số đầu năm là 148 nhân viên).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5-00  
HÀNG  
TY  
HỮU  
VÀ T  
C  
HÀ N  
- TP



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có).

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí tập hợp cho các công trình dở dang.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 6

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 03 đến 05 năm.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Nhóm Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

015  
NH  
ÔNG  
HIỆN  
A &  
AI HÌ  
ĐA

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## 16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

## 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

002  
CÔNG TY  
HỮU  
HỮU  
C  
HỮU  
TP

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

11/01/2022  
HÀ  
H

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	351.121.508	798.508.045
Tiền gửi ngân hàng	3.703.000.445	3.301.200.399
<b>Cộng</b>	<b>4.054.121.953</b>	<b>4.099.708.444</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### 2a. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC, là một công ty thành lập ngày 16 tháng 6 năm 2008 tại Hà Nội. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty sở hữu 2.227.500 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, giá trị ghi sổ 6.348 VND/cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC (không thay đổi so với số đầu năm).

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	14.140.000.000	14.140.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	3.512.874.359	4.263.194.726
<b>Cộng</b>	<b>17.652.874.359</b>	<b>18.403.194.726</b>

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá trị phần sở hữu đầu năm	18.403.194.726	18.378.990.506
Lợi nhuận trong kỳ	209.980.991	301.574.691
Công ty liên kết chia cổ tức	(822.974.418)	(712.018.751)
Công ty liên kết trích quỹ khen thưởng phúc lợi, chi thù lao HĐQT, BKS	(137.326.940)	(433.436.071)
<b>Giá trị phần sở hữu cuối kỳ</b>	<b>17.652.874.359</b>	<b>17.535.110.375</b>

*Tình hình hoạt động của công ty liên kết*

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với công ty liên kết*

Trong kỳ, Nhóm Công ty chỉ phát sinh giao dịch nhận cổ tức được chia từ Công ty liên kết với số tiền là 822.974.418 VND (cùng kỳ năm trước là 712.018.751 VND).

##### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện <sup>(i)</sup>	4.930.000.000	(4.930.000.000)	4.930.000.000	(4.930.000.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone <sup>(ii)</sup>	579.710	-	579.710	-
<b>Cộng</b>	<b>4.930.579.710</b>	<b>(4.930.000.000)</b>	<b>4.930.579.710</b>	<b>(4.930.000.000)</b>

<sup>(i)</sup> Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện đang lâm vào tình trạng phá sản nên Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này với mức trích lập 100%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- (ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty nắm giữ 80 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone. Giá trị hợp lý khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 2.512.000 VND (số đầu năm: 2.240.000 VND).

### *Giá trị hợp lý*

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Trong kỳ, Nhóm Công ty không phát sinh trích lập/hoàn nhập dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>76.328.144.138</b>	<b>95.664.653.861</b>
Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Nam – Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	19.101.860.164	3.419.062.351
Trung tâm mạng lưới MobiFone Miền Trung	15.705.149.995	5.460.291.145
Ban khai thác mạng - Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng Mạng	14.342.795.252	14.342.795.252
Ban Quản lý Dự án Hạ tầng 3- Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	2.068.736.756	13.459.621.650
Công ty Cổ phần thiết bị Bưu điện (POSTEF)	-	15.592.192.000
Các khách hàng khác	25.109.601.971	43.390.691.463
<b>Cộng</b>	<b>76.328.144.138</b>	<b>95.664.653.861</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>	<b>6.637.641.981</b>	<b>2.293.116.598</b>
Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Công nghệ HD	2.240.320.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ IT và HEALTH Thiên Phước	1.040.000.000	1.040.000.000
Công ty Cổ phần Năng Lượng ECO	915.200.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.442.121.981	1.253.116.598
<b>Cộng</b>	<b>6.637.641.981</b>	<b>2.293.116.598</b>

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b><i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b>61.258.550.198</b>	<b>(5.512.626.280)</b>	<b>61.627.712.341</b>	<b>(5.512.626.280)</b>
Phải thu cán bộ công nhân viên	2.697.654.853	(1.919.569.484)	2.697.654.853	(1.919.569.484)
Tạm ứng	5.699.125.312		5.451.703.628	
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	519.286.816		1.198.819.991	
Các khoản phải thu tại Chi nhánh				
Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	15.718.969.721		15.718.969.721	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	36.623.513.496	(3.593.056.796)	36.560.564.148	(3.593.056.796)
<b>Cộng</b>	<b>61.258.550.198</b>	<b>(5.512.626.280)</b>	<b>61.627.712.341</b>	<b>(5.512.626.280)</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

### 6. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều được xác định là không còn giá trị thu hồi, đã được trích lập dự phòng tổn thất 100%.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nghiêm Xuân Bình – Tạm ứng	1.145.857.811	1.145.857.811
Đình Châu Giang – Tạm ứng	203.814.768	203.814.768
Phải thu do chi quá tiền lương của Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế đã giải thẻ	1.499.798.702	1.499.798.702
Phải thu khác	3.128.088.677	3.128.088.677
<b>Cộng</b>	<b>5.977.559.958</b>	<b>5.977.559.958</b>

Tình hình biến động nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	5.977.559.958	6.036.006.195
Giảm khác	-	(58.446.237)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.977.559.958</b>	<b>5.977.559.958</b>

### 7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho thiếu chờ xử lý tại Chi nhánh Cần Thơ của Công ty mẹ.

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.981.097.375	(2.265.154.138)	7.981.097.375	(2.265.154.138)
Công cụ, dụng cụ	41.296.400	-	41.296.400	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	68.374.442.189	-	64.190.284.301	-
Hàng hóa	2.142.742.608	-	2.092.570.503	-
<b>Cộng</b>	<b>78.539.578.572</b>	<b>(2.265.154.138)</b>	<b>74.305.248.579</b>	<b>(2.265.154.138)</b>

Trong kỳ, Nhóm Công ty không phát sinh trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	177.034.900	214.546.971
Chi phí công cụ dụng cụ	562.603.644	675.613.696
Các chi phí trả trước dài hạn khác	78.877.500	24.000.000
<b>Cộng</b>	<b>818.516.044</b>	<b>914.160.667</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	14.149.062.795	25.105.412.447	11.592.728.732	1.117.357.194	51.964.561.168
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.149.062.795</b>	<b>25.105.412.447</b>	<b>11.592.728.732</b>	<b>1.117.357.194</b>	<b>51.964.561.168</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.941.262.795	22.260.486.442	3.497.273.459	1.117.357.194	34.816.379.890
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	8.458.579.450	23.416.011.294	8.453.373.752	1.117.357.194	41.445.321.690
Khấu hao trong kỳ	62.077.998	225.736.920	499.196.676	-	787.011.594
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.520.657.448</b>	<b>23.641.748.214</b>	<b>8.952.570.428</b>	<b>1.117.357.194</b>	<b>42.232.333.284</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	5.690.483.345	1.689.401.153	3.139.354.980	-	10.519.239.478
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.628.405.347</b>	<b>1.463.664.233</b>	<b>2.640.158.304</b>	<b>-</b>	<b>9.732.227.884</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 8.671.455.427 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.18).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	19.994.237.818	205.000.000	20.199.237.818
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.994.237.818</b>	<b>205.000.000</b>	<b>20.199.237.818</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	160.000.000	160.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	199.750.000	199.750.000
Khấu hao trong kỳ	-	4.500.000	4.500.000
<b>Số cuối kỳ</b>		<b>204.250.000</b>	<b>204.250.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	19.994.237.818	5.250.000	19.999.487.818
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>19.994.237.818</b>	<b>750.000</b>	<b>19.994.987.818</b>
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(\*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất 245,4 m<sup>2</sup> tại số 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thanh Xuân (xem thuyết minh số V.18)

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng công trình trụ sở Chi nhánh Cần Thơ tại Công ty mẹ.

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>55.063.502.187</b>	<b>75.895.031.929</b>
Công ty TNHH ZTE HK (VIETNAM)	17.618.728.908	17.618.728.908
Tornado Industrial CO., LTD	5.809.687.110	5.809.687.110
Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap	1.621.732.963	12.402.465.873
Công ty TNHH MTV Thông tin M3	-	15.433.088.000
Các nhà cung cấp khác khác	30.013.353.206	24.631.062.038
<b>Cộng</b>	<b>55.063.502.187</b>	<b>75.895.031.929</b>

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>1.786.122.308</b>	<b>1.971.901.741</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Ha	1.206.968.440	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Việt Dũng	195.120.000	-
Ban Quản lý Dự án Hạ tầng 1 - Chi nhánh Tổng	-	1.012.638.844
Công ty Viễn thông MobiFone	-	-
Công ty Cổ phần ZTE - Cambodia	125.695.474	640.289.578
Các khách hàng khác	258.338.394	318.973.319
<b>Cộng</b>	<b>1.786.122.308</b>	<b>1.971.901.741</b>

02-C  
H  
Y  
TƯ HA  
TƯ VÀ  
HỘI  
P.H

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.030.251.451	4.840.527	2.229.516.729	(1.531.099.268)	4.728.668.912	4.840.527
Thuế thu nhập doanh nghiệp	106.816.879	-	-	(92.287.349)	14.529.530	-
Thuế thu nhập cá nhân	103.714.106	6.554.612	692.728	(19.557.067)	84.849.767	6.554.612
Các loại thuế khác	-	393.920.637	-	-	-	393.920.637
Lệ phí môn bài	-	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	31.839.954	(31.839.954)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.240.782.436</b>	<b>405.315.776</b>	<b>2.273.049.411</b>	<b>(1.685.783.638)</b>	<b>4.828.048.209</b>	<b>405.315.776</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	-	13.854.575
Giá vốn trích trước các công trình	13.320.138.612	15.029.472.513
<b>Cộng</b>	<b>13.320.138.612</b>	<b>15.043.327.088</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 17. Phải trả khác

#### 17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>36.878.029.745</b>	<b>37.552.001.994</b>
Kinh phí công đoàn	1.201.299.072	1.114.594.566
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.336.675.798	2.025.250.861
Nhận ký quỹ, ký cược	111.068.065	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.662.287.405	5.662.660.700
Phải trả cán bộ công nhân viên về chi phí thực hiện công trình	12.235.828.642	14.448.257.455
Phải trả ngắn hạn khác tại Chi nhánh Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	11.441.247.386	11.441.247.386
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.889.623.377	2.859.991.026
<b>Cộng</b>	<b>36.878.029.745</b>	<b>37.552.001.994</b>

#### 17b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

### 18. Vay

#### 18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan<sup>(i)</sup></i>	<b>10.440.000.000</b>	-
Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng	8.840.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Hiền	1.600.000.000	-
<i>Vay ngân hàng</i>	<b>29.080.465.759</b>	<b>27.796.757.964</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình <sup>(ii)</sup>	25.306.666.359	18.329.752.124
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng <sup>(iii)</sup>	3.773.799.400	4.028.433.420
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Xuân	-	5.438.572.420
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>11.913.991.086</b>	<b>9.682.710.000</b>
Công ty TNHH Smatec <sup>(iv)</sup>	1.970.000.000	1.970.000.000
Các cá nhân khác <sup>(i)</sup>	9.943.991.086	7.712.710.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> (xem thuyết minh số V.18b)	<b>879.272.028</b>	<b>879.272.028</b>
<b>Cộng</b>	<b>52.313.728.873</b>	<b>38.358.739.992</b>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo cá nhân để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất từ 0% đến 12%/năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình tại Công ty mẹ để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 4B-4C Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trần Duy Hưng tại Công ty con theo hợp đồng vay ngày 25 tháng 5 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu phòng 1602, tòa C2, chung cư Vinaconex 1.
- (iv) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Smatec tại Công ty con để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/ năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay bên liên quan	-	12.120.000.000	-	(1.680.000.000)	10.440.000.000
Vay ngân hàng	27.796.757.964	31.091.334.891	-	(29.807.627.096)	29.080.465.759
Vay tổ chức và cá nhân khác	9.682.710.000	3.479.471.400	-	(1.248.190.314)	11.913.991.086
Vay dài hạn đến hạn trả	879.272.028	-	439.635.954	(439.635.954)	879.272.028
<b>Cộng</b>	<b>38.358.739.992</b>	<b>46.690.806.291</b>	<b>439.635.954</b>	<b>(33.175.453.364)</b>	<b>52.313.728.873</b>

### 18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình <sup>(i)</sup>	96.145.208	384.581.162
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng <sup>(ii)</sup>	25.200.000	176.400.000
<b>Cộng</b>	<b>121.345.208</b>	<b>560.981.162</b>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình để mua thiết bị đo tín hiệu mạng thông tin di động với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 02 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (ngày 16 tháng 9 năm 2020). Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất tại số 4B – 4C Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội và tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10 và V.11).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng tại Công ty con theo hợp đồng số 131395 ngày 09 tháng 8 năm 2017 để mua xe ô tô Toyota Camry với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	879.272.028	879.272.028
Trên 1 năm đến 5 năm	121.345.208	560.981.162
<b>Cộng</b>	<b>1.000.617.236</b>	<b>1.440.253.190</b>

Chi tiết phát sinh của các khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	560.981.162	631.111.500
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(439.635.954)	(303.511.500)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>121.345.208</b>	<b>327.600.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### 19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	48.000.000.000	32.663.796.276	1.591.818.768	100.242.705	6.023.901.786	17.995.785.318	106.375.544.853
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	(2.025.761.311)	(217.914.831)	(2.243.676.142)
<b>Số đư cuối kỳ trước</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>32.663.796.276</b>	<b>1.591.818.768</b>	<b>100.242.705</b>	<b>3.998.140.475</b>	<b>17.777.870.487</b>	<b>104.131.868.711</b>
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	32.663.796.276	1.591.818.768	100.242.705	6.167.800.268	18.051.604.669	106.575.262.686
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	(2.647.824.165)	(372.581.415)	(3.020.405.580)
<b>Số đư cuối kỳ này</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>32.663.796.276</b>	<b>1.591.818.768</b>	<b>100.242.705</b>	<b>3.519.976.103</b>	<b>17.679.023.254</b>	<b>103.554.857.106</b>

### 19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	15.750.000.000	15.750.000.000
Các cổ đông khác	32.250.000.000	32.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>48.000.000.000</b>

### 19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.800.000	4.800.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

#### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 248,78 USD (số đầu năm là 248,78 USD).

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	189.500.000	16.513.622.898
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.042.000.478	9.737.103.080
Doanh thu hợp đồng xây lắp	29.591.621.379	12.129.992.704
<b>Cộng</b>	<b>34.823.121.857</b>	<b>38.380.718.682</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	105.577.895	14.822.352.579
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.940.935.741	8.571.242.402
Giá vốn của hoạt động xây lắp	28.292.314.480	7.075.324.526
<b>Cộng</b>	<b>32.338.828.116</b>	<b>30.468.919.507</b>

### 3. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.140.351.209	2.069.319.754
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	86.342	-
Chi phí tài chính khác	8.834.039	10.693.347
<b>Cộng</b>	<b>1.149.271.590</b>	<b>2.080.013.101</b>

### 4. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	46.500.000	37.557.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.679.271	616.785.604
Các chi phí khác	9.018.182	38.018.184
<b>Cộng</b>	<b>69.197.453</b>	<b>692.361.288</b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.026.131.408	2.656.010.896
Chi phí đồ dùng văn phòng	62.604.317	112.159.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	703.338.158	622.286.049
Thuế, phí và lệ phí	11.000.000	23.952.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	653.448.663	1.859.003.367
Các chi phí khác	533.567.168	962.481.277
<b>Cộng</b>	<b>3.990.089.714</b>	<b>6.235.894.212</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	36.169.635	1.004.695.647
Phạt do vi phạm hợp đồng	250.400.000	-
Chi phí khác	83.148.722	11.112.807
<b>Cộng</b>	<b>369.718.357</b>	<b>1.015.808.454</b>

### 7. Lãi trên cổ phiếu

#### 7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(2.647.824.165)	(2.025.761.311)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(2.647.824.165)	(2.025.761.311)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.800.000	4.800.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(552)</b>	<b>(422)</b>

#### 7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.706.196.898	2.405.252.335
Chi phí nhân công	13.353.387.386	10.481.797.886
Chi phí khấu hao tài sản cố định	791.511.594	728.333.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.739.920.856	5.451.622.832
Chi phí khác	3.885.678.542	8.773.955.487
<b>Cộng</b>	<b>40.476.695.276</b>	<b>27.840.961.550</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt chỉ bao gồm giao dịch vay không tính lãi, như sau:

**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng	10.520.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Hiền	1.600.000.000	-

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.18a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Ông Phan Sỹ Kiên – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	93.240.000	198.067.879
Ông Lê Anh Toàn – Phó Tổng Giám đốc	161.880.000	168.886.061
Ông Đặng Quang Trung – Phó Tổng Giám đốc	159.720.000	166.824.242
Ông Lâm Vũ Hoàng Tùng – Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 17/3/2021)	75.060.000	-
<b>Cộng</b>	<b>489.900.000</b>	<b>533.778.182</b>

Các thành viên khác trong Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát không hưởng thù lao.

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC	Công ty liên kết
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông lớn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a, Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Nhóm Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực thương mại: bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Lĩnh vực dịch vụ: Tối ưu hóa, sửa chữa ứng cứu, bảo dưỡng, tư vấn thiết kế, cho thuê nhà trạm.
- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt các dịch vụ hạ tầng viễn thông

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	189.500.000	5.042.000.478	29.591.621.379	34.823.121.857
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>189.500.000</b>	<b>5.042.000.478</b>	<b>29.591.621.379</b>	<b>34.823.121.857</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	83.922.105	1.101.064.737	1.299.306.899	2.484.293.741
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(4.059.287.167)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.575.993.426)
Doanh thu hoạt động tài chính				923.742
Chi phí tài chính				(1.149.271.590)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				72.654.051
Thu nhập khác				-
Chi phí khác				(369.718.357)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(3.020.405.580)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>-</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>791.511.594</b>
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	16.513.622.898	9.737.103.080	12.129.992.704	38.380.718.682
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>16.513.622.898</b>	<b>9.737.103.080</b>	<b>12.129.992.704</b>	<b>38.380.718.682</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.691.270.319	1.165.860.678	5.054.668.178	7.911.799.175
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.928.255.500)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				983.543.675
Doanh thu hoạt động tài chính				4.515.760
Chi phí tài chính				(2.080.013.101)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(131.861.380)
Thu nhập khác				363.636
Chi phí khác				(1.015.808.454)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.416.278)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>(2.243.676.142)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>-</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>728.333.010</b>

5-0  
AN  
T  
H  
A  
C  
AN  
T

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	45.175.077.654	21.371.176.377	37.481.742.959	104.027.996.990
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				164.848.223.198
<b>Tổng tài sản</b>				<b><u>268.876.220.188</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24.730.028.534	313.841.576	57.305.852.003	82.349.722.113
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				82.971.640.969
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b><u>165.321.363.082</u></b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	75.555.067.602	10.091.753.465	50.038.823.388	135.685.644.455
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				145.831.645.044
<b>Tổng tài sản</b>				<b><u>281.517.289.499</u></b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	39.056.699.660	3.613.338.676	71.514.243.352	114.184.281.688
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				60.757.745.125
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b><u>174.942.026.813</u></b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của nhóm Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 27 tháng 8 năm 2021

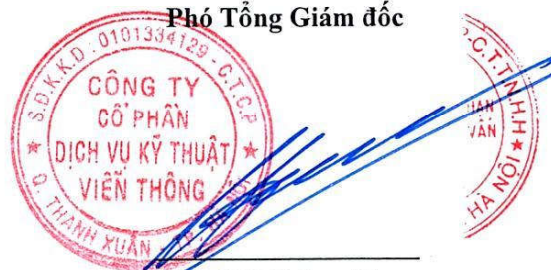
Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Phó Tổng Giám đốc



Lâm Vũ Hoàng Tùng